

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm: a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Mức vốn điều lệ; c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động; d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; đ) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng. 2. Việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu dẫn đến thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và quy định của pháp luật có liên quan.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm: a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Mức vốn điều lệ; c) Nội dung, thời hạn hoạt động; d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; đ) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng. 2. Việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu dẫn đến thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và	- Sửa đổi nội dung điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 10/2018/TT-NHNN bỏ cụm từ “phạm vi” để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 37 Luật Các TCTD. - Kế thừa quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 1, khoản 2 Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp. - Đối với nội dung “Địa điểm đặt trụ chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Luật Các TCTD được quy định tại Thông tư số 19/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
		quy định của pháp luật có liên quan.	Thống đốc NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức tài chính vi mô. 2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Thông tư này.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức tài chính vi mô. 2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Thông tư này.	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
	Điều 3. Lập và gửi hồ sơ 1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi quy định tại Thông tư này do người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô ký. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.	Điều 3. Nguyên tắc lập, gửi và xử lý hồ sơ 1. Văn bản đề nghị chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.	Sửa đổi kỹ thuật đề quy định rõ ràng hơn.
	2. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi quy định tại Thông tư này được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Bản sao giấy tờ, văn bản, bản dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trong hồ sơ phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, tổ chức tài chính vi mô phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ. Người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.	2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Bản sao các tài liệu, văn bản và bản dịch các tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trong hồ sơ phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, tổ chức tài chính vi mô phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ. Người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).	Sửa đổi, bổ sung để rõ ràng hơn, đảm bảo hồ sơ phù hợp với yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính công trực tuyến.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	4. Hồ sơ, văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	3. Tổ chức tài chính vi mô gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận những thay đổi theo một trong những hình thức sau: a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước; b) Gửi qua dịch vụ bưu chính; c) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.	Bổ sung hình thức nộp thủ tục hành chính trực tuyến để phù hợp với khoản 3 Điều 15 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia; điểm d khoản 2 Phần II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Nghị quyết số 66/NQ-CP) “100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình” và nội dung theo Công văn số 623/TTg-KSTT ngày 30/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
			trung, duy nhất quốc gia: “...không duy trì (đóng giao diện) Cổng Dịch vụ công cấp bộ chậm nhất đến hết tháng 2 năm 2026...”.
	Không quy định	Điều 3. Nguyên tắc lập, gửi và xử lý hồ sơ 4. Các văn bản yêu cầu bổ sung tài liệu, văn bản trả lời, văn bản chấp thuận và quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép từ Ngân hàng Nhà nước có thể được ban hành dưới dạng bản giấy hoặc văn bản điện tử.”.	Sửa đổi, bổ sung đề rõ ràng hơn, đảm bảo hồ sơ phù hợp với yêu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính công trực tuyến.
	Điều 4. Văn bản chấp thuận	Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi và hình thức văn bản chấp thuận	
		1. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi: a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 và Điều 13 của Thông tư này; b) Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này.	Việc quy định rõ thẩm quyền chấp thuận thay đổi của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng nhằm bảo đảm phân cấp thẩm quyền, phù hợp với tính chất từng loại thay đổi và tạo thuận lợi trong quản lý, giám sát tổ chức tài chính vi mô.
	Việc chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô được thực hiện dưới hình thức: 1. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt	2. Việc chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô được thực hiện dưới hình thức: a) Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
động (sau đây gọi là Giấy phép) của tổ chức tài chính vi mô đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 Thông tư này. 2. Văn bản chấp thuận đối với các trường hợp quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 1 Thông tư này.	động (sau đây gọi là Giấy phép) của tổ chức tài chính vi mô đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 Thông tư này. b) Văn bản chấp thuận đối với các trường hợp quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 1 Thông tư này.	
Điều 5. Thay đổi tên 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên, gồm tối thiểu các nội dung: tên được quy định trong Giấy phép, tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về việc đặt tên, lý do thay đổi; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi tên.	Điều 5 Thay đổi tên 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên, gồm tối thiểu các nội dung: tên được quy định trong Giấy phép, tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về việc đặt tên, lý do thay đổi; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi tên.	Kể thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Kể thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “<i>giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC</i>” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	3. Thống đốc Ngân hàng nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô.	Không quy định	Do đã có quy định về phân cấp thẩm quyền tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.
	Điều 6. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Địa điểm được quy định trong Giấy phép; (ii) Địa điểm dự kiến thay đổi, trong đó xác định rõ: tên tòa nhà (đối với các tòa nhà văn phòng cho thuê), số nhà, tên phố (ngõ) và tên đơn vị hành chính cấp xã, tên đơn vị hành chính cấp tỉnh. Địa điểm dự kiến thay đổi phải đảm bảo phải đảm bảo các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính; (iii) Lý do thay đổi; (iv) Kế hoạch chuyển trụ sở chính đảm bảo tính liên tục trong hoạt động; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tài chính vi mô có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.	Điều 6. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Địa điểm được quy định trong Giấy phép; (ii) Địa điểm dự kiến thay đổi, trong đó xác định rõ: tên tòa nhà (đối với các tòa nhà văn phòng cho thuê), số nhà, tên phố (ngõ) và tên đơn vị hành chính cấp xã, tên đơn vị hành chính cấp tỉnh. Địa điểm dự kiến thay đổi phải đảm bảo các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính; (iii) Lý do thay đổi; (iv) Kế hoạch chuyển trụ sở chính đảm bảo tính liên tục trong hoạt động; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tài chính vi mô có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 (không có đơn vị hành chính cấp huyện).
	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	do vẫn phù hợp.
b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “ <i>giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC</i> ” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm mới. Quá thời hạn này, tổ chức tài chính vi mô không hoạt động tại địa điểm mới, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hết hiệu lực.	3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm mới. Quá thời hạn này, tổ chức tài chính vi mô không hoạt động tại địa điểm mới, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hết hiệu lực.	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
4. Chậm nhất 15 ngày trước ngày hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi đặt trụ sở chính. Tổ chức tài chính vi mô không được hoạt động tại địa điểm mới nếu trụ sở không đảm bảo các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.	Chuyển nội dung này xuống Điều 16 dự thảo Thông tư.	Sửa đổi kỹ thuật để phù hợp với tên gọi của đơn vị thuộc NHNN theo quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP và sửa đổi cho thống nhất quy định trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô tại Điều 16 dự thảo Thông tư.
5. Trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô gửi	4. Trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô gửi	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Ngân hàng Nhà nước vẫn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.	Ngân hàng Nhà nước vẫn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.	tiêu “giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.	Không quy định.	Do đã có quy định về phân cấp thẩm quyền tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư.
	Điều 7. Thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Nội dung, phạm vi hoạt động đề nghị chấp thuận; (ii) Lý do và sự cần thiết thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động; c) Phương án triển khai nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: mô tả nội dung, phạm vi thay đổi, quy trình thực hiện, phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch triển khai thực hiện;	Điều 7. Thay đổi nội dung hoạt động 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Nội dung hoạt động đề nghị chấp thuận; (ii) Lý do và sự cần thiết thay đổi nội dung hoạt động; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi nội dung hoạt động; c) Phương án triển khai nội dung hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: mô tả nội dung thay đổi, quy trình thực hiện, phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch triển khai thực hiện; d) Dự thảo quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp	Bỏ cụm từ “phạm vi” để đảm bảo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 37 Luật Các TCTD.

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
d) Dự thảo quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp vụ đàm bảo quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh.	vụ đàm bảo quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh.	
2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
Điều 8. Thay đổi thời hạn hoạt động 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc thay đổi thời hạn hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép; (ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi; (iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động; b) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động, trong đó bao gồm: (i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm gần nhất, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu	Điều 8. Thay đổi thời hạn hoạt động 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc thay đổi thời hạn hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép; (ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi; (iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động; b) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động, trong đó bao gồm: (i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm gần nhất, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, Điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ; (ii) Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo; c) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động.	nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, Điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ; (ii) Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo; c) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động.	
	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tối thiểu 180 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tối thiểu 180 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	Điều 9. Thay đổi mức vốn điều lệ 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Mức vốn điều lệ được quy định trong Giấy phép;	Điều 9. Thay đổi mức vốn điều lệ 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Mức vốn điều lệ được quy định trong Giấy phép;	Kế thừa quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-NHNN, chỉnh sửa kỹ thuật để phù hợp với tên gọi của đơn vị thuộc NHNN theo quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
(ii) Mức vốn điều lệ dự kiến tăng; (iii) Lý do và sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ; (iv) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; (v) Phương án và thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ; (vi) Tỷ lệ Phần vốn góp của các thành viên góp vốn (trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ Phần vốn góp của các thành viên góp vốn); (vii) Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh; khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tăng mức vốn điều lệ; c) Quyết định của chủ sở hữu hoặc văn bản của thành viên góp vốn thông qua việc tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô; d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung các tài liệu sau đây: (i) Văn bản của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để cấp vốn hoặc góp thêm vốn theo phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô; (ii) Văn bản xác nhận của Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về số vốn điều lệ tăng thêm đã gửi vào	(ii) Mức vốn điều lệ dự kiến tăng; (iii) Lý do và sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ; (iv) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; (v) Phương án và thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ; (vi) Tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên góp vốn (trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên góp vốn); (vii) Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh; khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tăng mức vốn điều lệ; c) Quyết định của chủ sở hữu hoặc văn bản của thành viên góp vốn thông qua việc tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô; d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung các tài liệu sau đây: (i) Văn bản của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để cấp vốn hoặc góp thêm vốn theo phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô; (ii) Văn bản xác nhận của Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ	quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	tài khoản phong tỏa; đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tài chính vi mô như hồ sơ đối với thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về số vốn điều lệ tăng thêm gửi vào tài khoản phong tỏa. đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, và d khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tài chính vi mô như hồ sơ đối với thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	
	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ; b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
	Điều 10. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 1. Hồ sơ đề nghị gồm:	Điều 10. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
			Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng; (iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng Phần vốn góp; c) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp; d) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng.	1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng; (iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; c) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp; d) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng.	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Rút ngắn thời gian giải quyết

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC” quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện theo quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	Điều 11. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Điều 11. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sửa đổi, bổ sung đảm bảo: - Phù hợp với Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp kèm

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng; (iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; c) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới; d) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp; đ) Các văn bản, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về thành viên góp vốn và tỷ lệ sở hữu vốn góp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, gồm: (i) Hồ sơ thành viên góp vốn mới là tổ chức: - Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; - Điều lệ của tổ chức; - Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tài	1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng; (iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; c) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới; d) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp; đ) Các văn bản, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về thành viên góp vốn và tỷ lệ sở hữu vốn góp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, gồm: (i) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương; mã số doanh nghiệp; (ii) Điều lệ của tổ chức; (iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức	theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng - Bãi bỏ nội dung tại điểm đ(1): “-<i>Bản sao hồ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hồ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức và người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô;</i>” và nội dung: “- <i>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên góp vốn mới là ngân hàng nước ngoài);</i>” để phù hợp với quy

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	chính vi mô theo quy định của pháp luật; - Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa); - Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức và người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề năm nộp hồ sơ và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán độc lập) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị nhận chuyển nhượng phần vốn góp (đối với thành viên góp vốn mới là doanh nghiệp); - Báo cáo hoạt động trong 02 năm liền tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ (đối với thành viên góp vốn mới không phải là doanh nghiệp); - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên góp vốn mới là ngân hàng nước ngoài); - Bảng kê khai người có liên quan của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;	tài chính vi mô theo quy định của pháp luật; (iv) Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa). Thành viên góp vốn mới có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật. (v) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề năm nộp hồ sơ và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán độc lập) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị nhận chuyển nhượng phần vốn góp (đối với thành viên góp vốn mới là doanh nghiệp); (vi) Báo cáo hoạt động trong 02 năm liền tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ (đối với thành viên góp vốn mới không phải là doanh nghiệp); (vii) Bảng kê khai người có liên quan của tổ chức hoặc cá nhân góp vốn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.	định khoản 7 Điều 3 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024: “7. Thành viên góp vốn của tổ chức tài chính vi mô là pháp nhân trong nước góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”. - Bãi bỏ nội dung tại điểm đ(ii): “- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;” phù hợp với quy định khoản 7 Điều 3 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024: “7. Thành viên góp vốn của tổ chức tài chính vi mô là pháp nhân trong nước góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	(ii) Hồ sơ thành viên góp vốn mới là cá nhân: - Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật; - Bản kê khai người có liên quan của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.		Không quy định để phù hợp với quy định về thành viên góp vốn của tổ chức tài chính vi mô tại Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập.
	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
	b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	Điều 12. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng; (ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng; (iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng.	Điều 12. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu, trong đó nêu rõ: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng; (ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng; (iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng.	Sửa đổi, góp nội dung điểm d) và điểm đ) nhằm đơn giản hóa quy định, tránh trùng lặp, đồng thời bảo đảm yêu cầu quản lý về tính hợp pháp của nguồn tiền trong giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô.

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
b) Quyết định của chủ sở hữu thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký; d) Văn bản của của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; đ) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng Phần vốn góp giữa chủ sở hữu tổ chức tài chính vi mô và bên mua, bên nhận chuyển nhượng; e) Các hồ sơ chứng minh bên mua, bên nhận chuyển nhượng Phần vốn góp đáp ứng các điều kiện về chủ sở hữu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	nhượng. b) Quyết định của chủ sở hữu thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký; d) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa chủ sở hữu tổ chức tài chính vi mô và bên mua, bên nhận chuyển nhượng; trong đó bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; đ) Các hồ sơ chứng minh bên mua, bên nhận chuyển nhượng phần vốn góp đáp ứng các điều kiện về chủ sở hữu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm thực hiện mục tiêu “giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết các TTHC”
b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời	b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà	

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	bảng văn bản và nêu rõ lý do.	nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp và gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, vẫn bán chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp và gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, vẫn bán chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
	Điều 13. Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:	Điều 13. Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng 1. Hồ sơ đề nghị gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:	Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
(i) Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh; (ii) Lý do của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; d) Phương án xử lý các rủi ro phát sinh do việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trong đó bao gồm các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh đến quyền và lợi ích của khách hàng.	(i) Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh; (ii) Lý do của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; d) Phương án xử lý các rủi ro phát sinh do việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trong đó bao gồm các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh đến quyền và lợi ích của khách hàng.	
2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận: a) Tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;	Kể thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại điểm 1.a Mục II Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP.
3. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chậm	3. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chậm	Kể thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm thông báo đến khách hàng, niêm yết thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động kinh doanh tại các địa điểm giao dịch.	nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm thông báo đến khách hàng, niêm yết thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động kinh doanh tại các địa điểm giao dịch.	do vẫn phù hợp.
	Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng 1. Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này. 2. Thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này. 3. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu. 4. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp địa điểm mới nằm ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính. 5. Lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính trong các trường hợp sau: a) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô;	Điều 14. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng 1. Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này. 2. Đầu mối tiếp nhận hồ sơ và thẩm định trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này. 3. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản lấy ý kiến: a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp địa điểm mới nằm ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính; b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu. 4. Lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính trong các trường hợp sau:	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được thành lập mới trên cơ sở sắp xếp lại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	b) Thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; c) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô. 6. Thông báo về các văn bản chấp thuận, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép về những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính.	a) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô; b) Thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; c) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô. 5. Thông báo về các văn bản chấp thuận, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép về những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính.	
	Điều 15. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh 1. Kiểm tra việc đáp ứng đủ các điều kiện của trụ sở chính khi nhận được văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô về ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới trước ngày tổ chức tài chính vi mô hoạt động tại địa điểm mới.	Điều 15. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực: a) Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức tài chính vi mô; b) Có văn bản đình chỉ việc hoạt động tại địa điểm mới hoặc xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới.	Sửa đổi, bổ sung quy cụ thể hơn trách nhiệm của NHNN chi nhánh Khu vực để đồng bộ với quy định tại dự thảo Thông tư quy định về mạng lưới của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.
	2. Tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về thay đổi thời hạn hoạt động và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.	2. Tham gia ý kiến theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng về thay đổi thời hạn hoạt động và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.	Để phù hợp với tên gọi của đơn vị thuộc NHNN theo quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô 1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của thông tin cung cấp tại hồ sơ. 2. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện: a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận; b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật; c) Công bố trên Công thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, thông báo công khai tại trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam về các nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 Thông tư này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô 1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của thông tin cung cấp tại hồ sơ. 2. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện: a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận; b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật; c) Công bố trên Công thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, thông báo công khai tại trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam về các nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 Thông tư này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN. Kế thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
		3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chính. Tổ chức tài chính vi mô không được hoạt động tại địa điểm mới nếu trụ sở không đảm bảo các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.	Chuyển khoản 4 Điều 6 Thông tư số 10/2018/TT-NHNN xuống để kết cấu dự thảo Thông tư hợp lý hơn.

TT Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp Tổ chức tài chính vi mô đã nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề thực hiện theo quy định tại Thông tư này.	Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp Tổ chức tài chính vi mô đã nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề thực hiện theo quy định tại Thông tư này.	Kể thừa nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN do vẫn phù hợp.
Điều 18. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018. 2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành: a) Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam; b) Điều 9 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thi hành phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức	Điều 19. Điều khoản thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202 . 2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau: a) Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09/4/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô; b) Điều 5 Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng; c) Điều 5 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành	

TT	Nội dung quy định tại Thông tư 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 27/2022/TT-NHNN, Thông tư số 24/2023/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi, bổ sung
	năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước.	lập và hoạt động ngân hàng.	
	Điều 19. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.	Điều 18. Tổ chức thực hiện Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.	
	Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.	Thay thế Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 bằng Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.	Chỉnh sửa lại nội dung cho phù hợp với các quy định có liên quan.

